
Bản án số: 74/2017/HSST
Ngày 27/7/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, THÀNH PHỐ H**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phương Văn Quang, Cán bộ hưu trí
và bà Nguyễn Thị Thi, Giáo viên trường Trung học
cơ sở S

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông L- ơng Hữu Bình, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã S.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thúy Diệu, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. HÀ VĂN T, sinh ngày 17/5/2000; ĐKHKT: khu 10 A, xã T, huyện T, tỉnh P; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Con ông Hà Văn T, sinh năm 1976 và bà Hà Thị V, sinh năm 1978; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. TRẦN SỸ TH, sinh ngày 20/9/1999; ĐKNKTT: Khu L, xã T, huyện T, tỉnh P; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1981; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hà Văn T là ông Hà Văn T, sinh năm 1976; ĐKNKTT: khu 10 A, xã T, huyện T, tỉnh P (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Sỹ Th là ông Trần Văn T, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1981; Ông T, bà T ủy quyền cho ông Trần Xuân C, sinh năm 1957; Điều ĐKNKTT: Khu L, xã T, huyện T, tỉnh P (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T là ông Nguyễn Danh S, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Sỹ Th là bà Nguyễn Thị Minh T Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H (có mặt).

- *Người bị hại:* anh Đỗ Việt H, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh H (vắng mặt);

- *Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. ông Hà Văn T, sinh năm 1976; ĐKNKTT: khu 10 A, xã T, huyện T, tỉnh P (có mặt).

2. ông Trần Xuân C, sinh năm 1957; ĐKNKTT: Khu L, xã T, huyện T, tỉnh P(có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Hà Văn T, Trần Sỹ Th bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Hà Văn T và Trần Sỹ Th thuê trọ ở tại tổ 2, phường T, thị xã S, cùng khu với anh Đỗ Việt H. Do biết anh H có một số tài sản nên ngày 21 tháng 10 năm 2016 T đã bàn bạc, rủ Th trộm cắp tài sản của anh H và được Th đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 21/10/2016 T lấy lý do ngủ ở phòng của mình bị bóng đèn nên xin anh H cho ngủ nhờ, còn Th ở lại phòng chờ T trộm cắp được tài sản rồi cả hai cùng nhau bỏ trốn. Anh H đồng ý cho T ngủ nhờ và còn cho T mượn chiếc điện thoại Iphone 5S để chơi điện tử. Đến khoảng 2h sáng ngày 22/10/2016, khi anh H ngủ say, T đã lấy trộm của anh H: 01 chiếc điện thoại Iphone 5s, 01 điện thoại di động LG màu vàng cùng số tiền 700.000 đồng trong túi quần của anh H. Sau khi lấy trộm được tài sản, T về phòng mình, khi đó Th đang T dọn đồ đạc, sau đó cả hai Tê tắc xi rời khỏi S, trên đường đi T đã kể và cho Th xem tài sản mà T vừa trộm cắp được. T trả tiền xe taxi và cả hai ăn tiêu hết 700.000 đồng, đến sáng ngày 22/10/2016 T bán chiếc điện thoại di động LG cho một người đàn ông không quen biết với giá 1.000.000 đồng, T chia cho Th 350.000 đồng và trả tiền mua đồ cho Th hết 150.000 đồng, T giữ lại 500.000 đồng và cầm chiếc điện thoại Iphone 5s để sử dụng.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 22/10/2016 anh Đỗ Việt H thức dậy tìm không thấy điện thoại và phát hiện bị mất trộm tài sản. Ngày 23/02/2017 anh H đã có đơn trình báo Công an phường T, thị xã S.

Ngày 23/02/2017 Hà Văn T, Trần Sỹ Th đã đến Công an thị xã S đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời Hà Văn T giao nộp chiếc điện thoại I phone 5s cho cơ quan điều tra.

Ngày 10/3/2017 Hội đồng định giá tài sản đã định giá chiếc điện thoại Iphone 5s do T và Th trộm cắp trị giá 2.500.000 đồng.

Ngày 27/4/2017, Cơ quan C sát điều tra - Công an thị xã S ra quyết định xử lý vật chứng trao trả anh Đỗ Việt H chiếc điện thoại I phone 5s.

Đối với chiếc điện thoại LG T và Th đã bán cho một người không quen biết nên không T hỏi được, cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá nhưng hội đồng định giá đã trả lại hồ sơ định giá. Sau đó anh Đỗ Việt H đã thoả thuận thống nhất với các bị cáo cùng người đại diện hợp pháp của các bị cáo là ông Hà Văn T và ông Trần Xuân C trị giá chiếc điện thoại LG 1.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 79/CT - VKS, ngày 11/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S đã truy tố Hà Văn T và Trần Sỹ Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 69; điều 70; Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Hà Văn T từ 06 - 09 tháng tù nh-ng cho h- ởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng; □p dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 69; điều 70; điều 73; Điều 31 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Sỹ Th từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội: Trộm cắp tài sản; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Do ở cùng khu nhà trọ với anh Đỗ Việt H nên T biết anh H có tài sản, T đã bàn bạc với Th để T sang phòng anh H ngủ nhờ mục đích trộm cắp tài sản của anh H, còn Th ở phòng trọ của mình đợi, sau khi trộm cắp được tài sản cả hai đem đi bán. Th đồng ý và bảo T cứ sang lấy đi. Lợi dụng lúc anh H ngủ say, không có người trông nom, quản lý tài sản, khoảng 2h00 sáng ngày 22/10/2016 T đã trộm cắp tài sản của anh H gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s, 01 điện thoại di động LG màu vàng và 700.000 đồng. Sau đó T và Th đi xe taxi xuống H, cả hai trả tiền xe taxi và ăn tiêu hết 700.000 đồng, sau đó bán chiếc điện thoại di động LG được 1.000.000 đồng, T chia cho Th 500.000 đồng, còn T giữ lại 500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và vật chứng đã được T giữ cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hà Văn T đã bàn bạc cùng với Trần Sỹ Th để trộm cắp

tài sản của anh Đỗ Việt H. Khoảng 2 giờ 00 phút ngày 22/10/2016, lợi dụng lúc anh H ngủ say, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh H ở tại tổ 2, phường T, thị xã S gồm có: 01 chiếc điện thoại Iphone 5s trị giá 2.500.000 đồng, 01 chiếc điện thoại LG trị giá 1.500.000 đồng và số tiền 700.000 đồng. Tổng trị giá tài sản và tiền mà T và Th chiếm đoạt của anh H trị giá 4.700.000 đồng. Sau khi trộm cắp tài sản T mang về phòng trọ và Th đang đợi ở đó, sau đó cả hai cùng nhau mang tài sản trộm cắp được đem đi tiêu thụ lấy tiền ăn tiêu và chia nhau, còn lại chiếc điện thoại Iphone 5s T giữ lại để sử dụng riêng. Hành vi đó của Hà Văn T và Trần Sỹ Th đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh h-ởng xấu đến trật tự trị an ở địa ph-ong, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân.

Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nh-ng không chịu học tập, tu d-ỡng rèn luyện bản thân, ăn chơi đua đòi, nên đã đi trộm cắp tài sản của ng-ời khác. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt t-ong xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Trong vụ án có 02 bị cáo tham gia vì vậy cần phân hóa tội phạm, đánh giá vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo trong vụ án, cá thể hóa trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt t-ong xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Hà Văn T: là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê người khác và trực tiếp phạm tội với vai trò tích cực.

Đối với bị cáo Trần Sỹ Th phạm tội với vai trò đồng phạm, tiếp nhận ý chí của T, khi được T nói chuyện sẽ trộm cắp tài sản của anh Hòa để cùng nhau bỏ trốn, Th đã bảo T cứ lấy đi, có gì để tao lo và Th ở nhà đợi T trộm cắp được tài sản đã cùng nhau bỏ trốn, tìm nơi tiêu thụ tài sản, bán lấy tiền chia nhau và cùng nhau ăn tiêu.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên nên áp dụng quy định đối với người chưa thành niên theo điều 69; điều 70 BLHS để xử lý đối với các bị cáo. Nhân thân các bị cáo ch-a có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và Tộc tr-ờng hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, các bị cáo ra đầu thú, tài sản chiếm đoạt đã T hồi và người đại diện hợp pháp của các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ng-ời bị hại. Các bị cáo là người dân tộc Mường, bị cáo Th sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, do vậy nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế. Đây cũng chính là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng điều 60 BLHS đối với bị cáo T, áp dụng điều 31 BLHS đối với bị cáo Th cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đối với chiếc điện thoại LG T và Th bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 1.000.000 đồng, nhưng T và Th không biết tên, địa chỉ của người đó nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Ng-ời bị hại anh Đỗ Việt H đã nhận lại tài sản là 01 chiếc điện thoại Iphone 5s và giá trị 01 chiếc điện thoại LG 1.500.000 đồng cùng với số tiền 700.000 đồng, tổng cộng 2.200.000 đồng do ông Hà Văn T và ông Trần Xuân C tự nguyện nộp thay cho các bị cáo vì các bị cáo là người chưa thành niên không có tài sản riêng. Anh H không có yêu cầu gì khác về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone 5s và đại diện hợp pháp của các bị cáo là ông T, ông C đã bồi thường 1.500.000 đồng và hoàn trả tiền 700.000 đồng cho chủ sở hữu anh H là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Hà Văn T, Trần Sỹ Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”

□p dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 69; điều 70; Điều 60 của Bộ luật hình sự; điều 5 Nghị quyết số 01/2013 ngày 06/11/2013.

Xử phạt: Hà Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Hà Văn T cho □y ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 luật thi hành án hình sự.

□p dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 69; điều 70; điều 73; Điều 31 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Sỹ Th 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Sỹ Th cho ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Về án phí: □p dụng khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Hà Văn T, Trần Sỹ Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền, thời hạn kháng cáo: □p dụng điều 231; 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho các bị cáo đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đ- ọc quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- Toà án TP H
- VKS TX S
- Chi cục THADS TX S
- Dán án
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Tú